

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2021

*“ Về việc: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con
của nam, nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Mạnh Hùng.**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Hằng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bàn Thị Bích Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc *"Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Th**, sinh năm 1983 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Ma Văn T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Ma Văn T** qua tự nguyện tìm hiểu đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị bàn bạc để anh T đi

xuất khẩu lao động nhưng kể từ khi anh T đi xuất khẩu lao động dẫn vợ chồng không tin tưởng nhau và luôn xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đến năm 2017 thì anh T về nước nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn chung sống cùng nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn T.

Về nuôi con chung: Chị Th và anh T có 01 người con chung, tên là Ma Trọng Nh, sinh ngày 14/3/2012. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nhân và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Ma Văn T đến để giải quyết việc chị Th đề nghị “*Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” nhưng anh T đều không có mặt. Quá trình xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Ma Văn Hiệu (bố đẻ của anh Ma Văn T) thì anh T và chị Th được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Về thời gian tổ chức cưới hỏi thì ông không nhớ. Sau ngày cưới chị Th và anh T chung sống tại Thôn T, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Mâu thuẫn vợ chồng thì ông không rõ, theo ông có thể mâu thuẫn vợ chồng là do anh T đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng thiếu sự quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống chị Th và anh T có 01 người con chung tên là Ma Trọng Nh, sinh ngày 14/3/2012. Về tài sản chung, nợ chung của hai vợ chồng thì ông Hiệu không rõ. Hiện nay anh T đi làm ăn xa và thỉnh thoảng vẫn liên lạc với gia đình bằng điện thoại. Việc chị Th đề nghị giải quyết quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh T theo quy định của pháp luật, anh T có biết được nội dung và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi:* Tại bản tự khai ngày 16/4/2021, cháu Ma Trọng Nh tự nguyện trình bày nguyện vọng được mẹ là Trương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 13/4/2021 tại UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đối với Công chức Tư pháp hộ tịch xã Vinh Quang cung cấp như sau: Qua rà soát các tài liệu lưu trữ (sổ đăng ký kết hôn) tại UBND xã Vinh Quang từ năm 2002 đến nay thì UBND xã Vinh Quang chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho ai tên là Trương Thị Th, sinh năm 1983 và anh Ma Văn T, sinh năm 1981, cùng địa chỉ Thôn T, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2021 tại UBND xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đối với trưởng Thôn T, xã V, huyện Chiêm Hóa cung cấp như sau: Chị Trương Thị Th và anh Ma Văn T có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì không thấy có phát sinh mâu thuẫn gì, hiện nay anh T không chung sống với chị Th. Chị Th và anh T có một người con chung tên là Ma Trọng

Nh, sinh ngày 14/3/2012. Hiện nay cháu Nhân đang ở cùng chị Th. Về tài sản chung và nợ chung của chị Th, anh T thì ông không rõ. Chị Trương Thị Th có nghề nghiệp là lao động tự do. Năm 2020 thu nhập bình quân của Thôn T, xã V đạt 36.000.000 đồng/người/năm. Đối với thu nhập bình quân đầu người theo báo cáo là thu nhập bình quân trên đầu người của toàn xã bao gồm cả người có nghề nghiệp chính là Lao động tự do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn anh T không thực hiện đầy đủ theo giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 7 Điều 28, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” của chị Trương Thị Th. Không công nhận quan hệ giữa chị Trương Thị Th và anh Ma Văn T là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Ma Trọng Nh, sinh ngày 14/3/2012 cho chị Trương Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị Th không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm án ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận vợ chồng với anh Ma Văn T, giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng con chung đối với anh Ma Văn T, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Chiêm Hóa là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Ma Văn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T thường

xuyên đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh T đã thông báo cho anh T nhưng anh T vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Ma Văn T vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Trương Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Th và anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Th và anh Ma Văn T qua tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục nhưng không tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Th và anh T là vợ chồng; anh T cố tình không đến phiên tòa không có yêu cầu phản tố, không cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Th và anh T là vợ chồng. Xét thấy yêu cầu của chị Trương Thị Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị Trương Thị Th và anh Ma Văn T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị Th và anh T có 01 người con chung tên là Ma Trọng Nh, sinh ngày 14/3/2012. Quá trình giải quyết vụ án chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhân và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Xét thấy cháu Nhân có nguyện vọng được sinh sống cùng chị Th, hiện anh Ma Văn T không có địa chỉ cư trú rõ ràng. Do đó căn cứ vào các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Ma Trọng Nh cho chị Trương Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, chị Trương Thị Th không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 271, 273 các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trương Thị Th và anh Ma Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Trọng Nh, sinh ngày 14/3/2012 cho chị Trương Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004812, ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Ma Văn T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Huệ

